

CÁI “ẤY”, CÁI “ĐÓ” VÀ CÁI “LỜ” TRONG VĂN HÓA VIỆT NAM TỪ GÓC NHÌN KÝ HIỆU HỌC VĂN HÓA

THE METAPHORS OF PUDENDUM THROUGH “ẤY”, “ĐÓ”, AND “LỜ”
IN VIETNAMESE CULTURE: AN APPROACH TO CULTURAL SEMIOTICS

Đinh Hồng Hải^{1,*}

DOI: <http://doi.org/10.57001/huivh5804.2025.309>

TÓM TẮT

Nhân câu chuyện *Nhà hát Đố* ở Nha Trang lập kỷ lục cái đố “lớn nhất Việt Nam” vào ngày 01/4/2023 (trùng với ngày “Cá tháng 4”), đã có nhiều câu chuyện cười ra nước mắt vì cái đố liên tục bị so sánh với cái “ấy” và cái “lờ” trong văn học và văn hóa dân gian Việt Nam. Vậy cái “ấy” là cái gì? Cái “đó” có phải là cái “lờ”? Làm cách nào để tránh nhầm lẫn giữa các lớp nghĩa của những “cái” đang được đề cập ở đây? Để trả lời các câu hỏi này, bài viết sẽ “chụp cắt lớp” cái “ấy” trong văn học dân gian Việt Nam từ góc nhìn ký hiệu học văn hóa. Từ đó, bài viết giúp người đọc hiểu sâu sắc hơn cách dùng từ và chơi chữ của người Việt với những biến hóa vô cùng đa dạng trong cách sử dụng ngôn từ của tiếng Việt cũng như trong nền văn hóa Việt Nam.

Từ khóa: Ẩn dụ, cái “ấy”, cái “đó”, cái “lờ”, “chụp cắt lớp”, ký hiệu học văn hóa.

ABSTRACT

On the occasion of the story of the Đố Theater in Nha Trang setting a record for “the largest đố in Vietnam” on April 1, 2023 (coinciding with “April Fools’ Day”), there have been many tearful jokes because “đố” is constantly compared to “ấy” and “lờ” in Vietnamese folklore. So what is “ấy”? Is “đó” the same as “lờ”? How can we avoid confusing the layers of meaning of the “ấy/đó/lờ” being mentioned here? To answer these questions, the article will “CT scan” “ấy” in Vietnamese folklore from the perspective of cultural semiotics. It aims to help readers gain a deep understanding of how Vietnamese people use and play with words, with extremely diverse variations in the use of the Vietnamese language, as well as in Vietnamese culture.

Keywords: metaphor, “ấy”, “đó”, “lờ”, “CT scan”, cultural semiotics.

¹Trường Đại học Khoa học Xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

*Email: haidinh@vnu.edu.vn

Ngày nhận bài: 10/5/2025

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 20/8/2025

Ngày chấp nhận đăng: 28/8/2025

1. GIỚI THIỆU

Ký hiệu học văn hóa là một lĩnh vực nghiên cứu nổi bật với việc giải nghĩa các ký hiệu, biểu tượng và ngôn ngữ được phân tích trong bối cảnh văn hóa, lịch sử, và xã hội đặc thù. Một trong những đặc tính quan trọng nhất của ký hiệu học chính là tính ẩn dụ. Tính ẩn dụ đã được sử dụng trong suốt hàng nghìn năm lịch sử văn minh của nhân loại. Aristote đã đưa ra nguyên tắc: “*Ẩn dụ là một trong những thủ pháp chính của nghệ thuật*”. Jakobson mở rộng hơn: “*Ẩn dụ là thủ pháp của thơ và*

hoán dụ là thủ pháp của văn xuôi” [5]. Việc ứng dụng ký hiệu học văn hóa tại Việt Nam còn khá mới mẻ bởi nó đòi hỏi sự kết hợp liên ngành giữa văn học, văn hóa học, và ngôn ngữ học. Bên cạnh đó, nhà nghiên cứu cần có sự hiểu biết sâu sắc về bối cảnh lịch sử và xã hội. Với một nền văn hóa đa tầng như Việt Nam, ký hiệu học văn hóa không chỉ đóng vai trò trong việc tiếp cận lý thuyết mà còn có giá trị thực tiễn to lớn với vai trò là công cụ để bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống trong bối cảnh hiện đại hóa và toàn cầu hóa.

Với nền văn hóa phong phú, đa dạng về lịch sử và truyền thống, Việt Nam là một môi trường lý tưởng để áp dụng ký hiệu học vào việc khám phá ý nghĩa của các biểu tượng và diễn ngôn trong văn hóa dân gian, tôn giáo, nghệ thuật, và đời sống thường nhật. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu văn học dân gian Việt Nam đã ra đời và phát triển như một nhu cầu tất yếu từ chính đời sống của con người và văn hóa Việt Nam. Tiếng Việt với đặc điểm giàu tính hình tượng, nhiều tầng nghĩa tạo nên hệ thống ký hiệu phức tạp nhưng cũng rất giàu sức gợi cảm. Khám phá cấu trúc và ý nghĩa của ngôn từ trong ca dao, tục ngữ, truyện cổ tích, và thơ ca truyền thống chính là cách tốt nhất để giải mã ngôn ngữ dân gian, qua đó tìm hiểu giá trị thẩm mỹ và đạo đức qua các sáng tác dân gian.

Từ góc nhìn ký hiệu học, chúng ta không chỉ khám phá văn hóa như là công cụ để nghiên cứu quá khứ mà còn là cách tiếp cận để hiểu hiện tại và dự đoán tương lai của văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa. Trên thực tế, ngôn từ trong văn học và văn hóa dân gian Việt Nam luôn chứa đựng sự phong phú và tinh tế vượt xa những lớp nghĩa bề mặt. Nội dung bài viết này khám phá “cái ấy,” “cái đó” và “cái lờ” như những biểu tượng ngôn ngữ độc đáo trong văn hóa và văn học Việt Nam từ góc nhìn ký hiệu học văn hóa. Từ đó có thể nhận thức rõ hơn các giá trị văn hóa mà cha ông ta đã góp công xây dựng thành những sản phẩm của dân gian như thành ngữ, tục ngữ, ca dao, dân ca,... trong suốt nhiều thế kỷ qua.

Xuất phát từ sự kiện Nhà hát Đờ ở Nha Trang lập kỷ lục về cái “đó” lớn nhất Việt Nam vào ngày 01/4/2023, bài viết sẽ phân tích những câu chuyện bi - hài xoay quanh các khái niệm ngôn từ để khám phá chiều sâu trong các ẩn dụ của chúng. Chúng tôi gọi là phương pháp “chụp cắt lớp” để bóc tách các lớp nghĩa từ từ nguyên học, văn hóa dân gian, đến văn học để có thể giúp người đọc hiểu rõ cách ngôn ngữ Việt biến hóa đa dạng và sâu sắc như thế nào.

Thông qua nội dung bài viết, tác giả đặt những biểu tượng ngôn ngữ này trong mối liên hệ với những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam. Qua đó tìm hiểu đặc tính lưỡng hợp giữa yếu tố trào phúng và chiều sâu tư duy của người Việt. Từ các câu chuyện ngụ ngôn đến những câu ca dao tục ngữ, từ “cái ấy,” “cái đó” đến “cái lờ” đã trở thành những công cụ ngôn từ vừa mang tính chất giải trí, vừa ẩn chứa triết lý nhân sinh, góp phần định hình bản sắc văn hóa độc đáo của Việt Nam. Qua đây, chúng tôi mong muốn giải mã những tầng ý nghĩa của các biểu tượng ngôn từ tưởng chừng đơn giản nhưng lại ẩn chứa giá trị thẩm mỹ và văn hóa sâu sắc. Từ đó khẳng định giá trị của nghệ thuật ngôn từ mà những nghệ sĩ dân gian đã

tạo ra. Đó cũng là sức mạnh biểu tượng của tiếng Việt - một ngôn ngữ đậm chất nhân văn và giàu tính trào lộng.

2. CÁI “ẤY”, CÁI “ĐÓ” HAY CÁI “LỜ”

Cái “ấy” là cái gì?

Người xinh cái “ấy” cũng xinh

Người gòn cái “tình tình tình” cũng gòn,...

(Ca dao Việt Nam)

Không biết từ bao giờ, câu ca dao trên từ trong đời sống bình dân của người Việt Nam đã đi vào văn học cũng như vô số tác phẩm phê bình khảo cứu. Bất luận được phân tích theo hướng nào, người đọc đều bị dẫn dắt đến lớp nghĩa để cập đến một “thứ” nhạy cảm được gọi là cái “ấy” hay cái “tình tình tình”. “Thứ nhạy cảm” này chính là sản phẩm văn hóa dân gian được hình thành từ “rừng ẩn dụ” trong văn học dân gian nói riêng và văn học Việt Nam nói chung. Vì vậy, nếu không am hiểu văn hóa Việt Nam, đặc biệt là văn hóa dân gian, chắc chắn chúng ta không thể dịch nghĩa của các từ nêu trên sang tiếng Anh hay nhiều ngôn ngữ khác vì dễ bị hiểu nhầm hoặc hiểu sai.

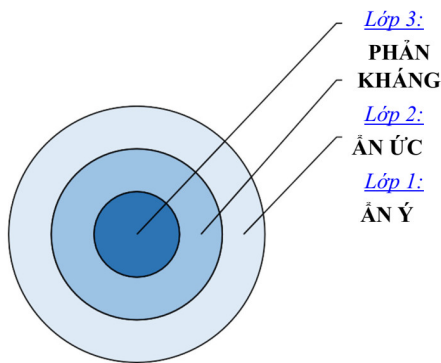
Hầu hết các nghiên cứu từ trước đến nay thường gán cho cái “ấy” hay cái “tình tình tình” lớp nghĩa dung tục, tầm thường, xa hơn là dán nhãn “phồn thực”. Tuy nhiên, nếu chia tách các lớp nghĩa trong cách dùng cái “ấy” hay cái “tình tình tình” để đi sâu tìm hiểu nghệ thuật sử dụng ngôn từ của những nghệ sĩ dân gian xưa sẽ thấy cách sử dụng ngôn ngữ của người Việt hết sức đa dạng nhưng cũng hết sức tinh tế với một lối chơi chữ hết sức tài tình. Đây cũng chính là cách mà bà Chúa thơ Nôm Hồ Xuân Hương đã sử dụng trong những kiệt tác của bà.

Trong chương sách “Biểu tượng nữ và nữ quyền trong thơ Hồ Xuân Hương từ góc nhìn ký hiệu học” được xuất bản gần đây, chúng tôi đã “chụp cắt lớp” để tìm ra lớp **ẩn ý** ở ngoài cùng, tiếp đến là lớp **ẩn ức** và sâu xa hơn là lớp **phản kháng**. “Phần tinh túy nhất của mỗi bài thơ của bà, đó là nghĩa bóng nhưng có nhiều lớp! Bóc đến lớp cuối cùng, người đọc nhìn thấy bộ mặt của quan lại, của vua chúa và của sư sãi chỉ đáng được dùng để sánh với cái “ấy” - một sự phản kháng thâm thúy, sâu cay và vô cùng mạnh mẽ” [2, tr. 816].

Hồ Xuân Hương là một trong những nhà thơ nổi tiếng của Việt Nam, được Lê Tâm và Xuân Diệu gọi là “Bà chúa thơ Nôm” với những thông điệp về bình đẳng giới và đấu tranh cho sự công bằng của phụ nữ. Điều này khẳng định các giá trị Việt Nam trong nền văn học và văn hóa thế giới, hướng đến các giá trị phổ quát của nhân loại như bao

dung, tự do, bình đẳng,... Năm 2021, cùng với Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Xuân Hương được UNESCO vinh danh tại Kỳ họp Đại hội đồng UNESCO lần thứ 41 (diễn ra từ ngày 9-24/11/2021 tại Paris). Điều đặc biệt hơn, bà là nữ sĩ Việt Nam đầu tiên được tôn vinh trong danh sách này [2, tr. 815].

Nghệ thuật ngôn từ của Hồ Xuân Hương biểu hiện rõ nét qua các **lớp ẩn ý**, **lớp ẩn ức** và **lớp phản kháng** theo hình 1.



Hình 1. Các lớp ký hiệu trong thơ Hồ Xuân Hương [2]

Như vậy, cái “ấy” hay cái “tĩnh tình tĩnh” trong văn hóa dân gian Việt Nam, dù được dùng trong văn học dân gian hay trong những kiệt tác văn chương của Hồ Xuân Hương đều chỉ một “cái” ai cũng đã biết mà không cần dùng đến nghĩa “đen” của sự vật.

Tuy nhiên, trong văn học và văn hóa dân gian của người Việt có nhiều từ tương tự rất dễ bị hiểu nhầm nếu như chúng ta không “chụp cắt lớp” ngữ nghĩa của chúng. Từ góc nhìn ký hiệu học văn hóa, cái “đó” và cái “lờ” chính là những từ ngữ luôn “bị” lấy làm “**cái biểu đạt**” (signifier) cho một “**cái được biểu đạt**” (signified) là cái “ấy” hay cái “tĩnh tình tĩnh” đã nêu ở trên.

Nói tóm lại, cái “ấy”, cái “đó”, cái “lờ” hay cái “tĩnh tình tĩnh” đa phần đều chỉ một phần cơ thể của phụ nữ được nhấn mạnh ở dạng ẩn ý. Tương tự như cách mà Hồ Xuân Hương đã dùng trong các kiệt tác thơ Nôm của bà. Để hiểu rõ hơn tính ẩn dụ trong văn học dân gian qua “**cái biểu đạt**” và “**cái được biểu đạt**” từ góc nhìn ký hiệu học văn hóa, chúng ta cần bắt đầu từ nghĩa đen hay lớp nghĩa sơ khai của ngôn từ.

Cái “đó” có phải là cái “lờ”?

Trở lại với cái đó và cái lờ trong đời sống của người dân nông nghiệp Việt Nam nhiều thế kỷ qua, dễ dàng nhận thấy, cái đó và cái lờ chính là những dụng cụ đánh bắt cá của người nông dân. Đó là “đồ đan bằng tre, nứa, hình ống, có hom, dùng để bắt cá, tôm, tép” [4, tr. 317]. Lờ là “đồ đan bằng tre, nứa, có hom, đập ở chỗ nước đứng để

nhử bắt tôm, cá” (tr. 565). Đây chính là nghĩa đen của hai từ này trong văn hóa dân gian Việt Nam, chúng ta có thể tham khảo hình 2.



Hình 2. Một số dụng cụ đánh bắt cá thông dụng của nông dân

Như vậy, cái đó và cái lờ trong đời sống người dân nông nghiệp là hai vật dụng được sử dụng để bắt cá với các hình thức chế tác khác nhau. Nói cách khác, đây là các danh từ chỉ các loại dụng cụ đánh bắt của người nông dân Việt Nam vốn đã được sử dụng từ lâu đời. Nghĩa của chúng hoàn toàn trong sáng, không có yếu tố dung tục.

Tuy nhiên, sau khi chữ Quốc ngữ được sử dụng phổ biến thì cái “lờ” bắt đầu có thêm một lớp nghĩa thứ hai, đó là ẩn dụ của chữ L. Ví dụ này cho thấy, lớp nghĩa ẩn dụ của chữ L được hình thành muộn hơn rất nhiều so với nghĩa từ nguyên của các danh từ chỉ sự vật/đồ vật đã nêu ở trên. Trong khi cái “đó” từ lớp nghĩa đen là một dụng cụ đánh bắt cá cũng có thêm một lớp nghĩa thứ hai trong văn học dân gian tương tự như cái “ấy” hoặc cái L.

3. CHỤP “CẮT LỚP” CÁI “ẤY” TỪ GÓC NHÌN KÝ HIỆU HỌC VĂN HÓA

Trở lại với cái “ấy” hay cái “tĩnh tình tĩnh” trong phần mở đầu của bài viết, có thể thấy, **lớp nghĩa thứ nhất** của cái “ấy” trong từ nguyên học hoàn toàn không có tính dung tục. Trong *Từ điển tiếng Việt* giải thích như sau: “Ấy: l. thường được dùng phụ sau danh từ hoặc dùng làm chủ ngữ trong câu. Từ dùng để chỉ cái đã được nhắc tới, biết

tới nhưng không ở kế bên người nói hoặc không thuộc về hiện tại. II. Từ biểu thị ý nhấn mạnh như muốn lấy lại điều vừa nói đến. III. Tiếng thốt ra từ đầu câu để gọi sự chú ý và tỏ ý ngăn cản hay là không bằng lòng, hoặc ý khẳng định” [4, tr.18].

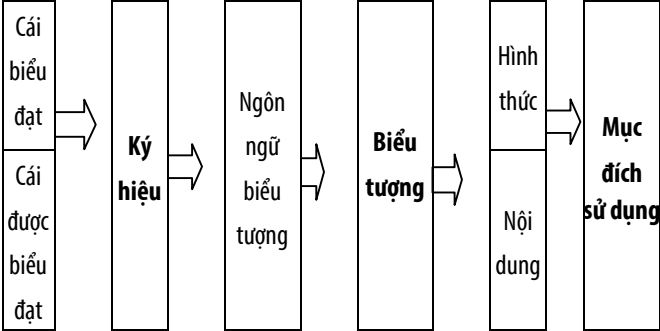
Tuy nhiên, ở **lớp nghĩa thứ hai** trong văn hóa dân gian, “*cái đã được nhắc tới, biết tới*” được nêu trong từ điển trên đã biến hóa cái “*ấy*” thành một lớp nghĩa mới. Lớp nghĩa này chỉ “*cái*” mà ai cũng biết nhưng lại không gọi đúng tên “*tục*” của nó theo nghĩa đen. Vì trên thực tế, người Việt chỉ dùng tên gọi chính thức và nghĩa đen của cái “*ấy*” để chửi nhau hoặc khi vắng tục.

Đây chính là một sự biến hóa tuyệt vời của văn hóa sử dụng ngôn từ trong tiếng Việt. Nếu so sánh với tiếng Anh, tiếng Pháp hay những ngôn ngữ phổ biến trên thế giới thì có lẽ tiếng Việt chiếm ngôi vị quán quân về số lượng những từ được dùng để chỉ cái “*ấy*” mà không cần đến lớp nghĩa từ nguyên học hay nghĩa đen của sự vật. Thậm chí, trong văn học dân gian hiện đại còn sử dụng nghệ thuật ngôn từ hàn lâm nhưng chỉ để trào lộng về chuyện “*ấy*” và cái “*ấy*”:

*Thầy sinh vật vật cô sinh vật, vật đúng chỗ sinh,
sinh đúng chỗ vật.
Anh cà phê cà chị cà phê, cà đúng chỗ phê,
phê đúng chỗ cà!*
(Khuyết danh)

Đây là hình thức ẩn dụ đặc sắc trong ngôn từ được người Việt sử dụng một cách vô cùng khôn khéo và cũng vô cùng biến hóa để mang đến một tiếng cười sảng khoái. Chính hình thức ẩn dụ với *một chữ* nhưng *nhiều nghĩa* này đã góp phần tạo nên lớp nghĩa hàn lâm trong văn học: đó chính là **lớp nghĩa thứ ba** - ẩn dụ. Nhờ có lớp ẩn dụ này mà những bài vè, những câu ca dao hay những kiệt tác thơ Nôm của Hồ Xuân Hương đã giúp nâng tầm tiếng Việt trở thành một loại ngôn ngữ mang đặc tính trêu tượng, phong phú, đa nghĩa nhưng cũng vô cùng thâm thúy, đầy tính nhân văn và trào lộng.

Như vậy, với lớp nghĩa từ nguyên, vượt qua cái dung tục, tầm thường (nếu như chúng ta chỉ dùng nghĩa đen), cái “*ấy*” đã đan lồng trong đời sống văn hóa dân gian để biến thành một lớp nghĩa mới - lớp nghĩa hàn lâm trong văn học, bằng một trong những đặc tính quan trọng nhất của ký hiệu học, đó là tính ẩn dụ. Để phân tích cái “*ấy*” từ góc nhìn ký hiệu học văn hóa, chúng ta cần trở lại với khái niệm hạt nhân trong ký hiệu học, đó là cái biểu đạt (CBD) và cái được biểu đạt (CĐBD).



Hình 3. Quy trình biểu tượng hóa từ CBD và CĐBD [3, tr. 460]

Với quy trình biểu tượng hóa cái “*ấy*” trong nghệ thuật sử dụng ngôn từ của người Việt, CBD và CĐBD ở đây có thể diễn giải như sau:

CBD: *cái “ấy.”*
CĐBD: *Bộ phận cơ thể nữ được biểu tượng hóa thành “người xinh”, “người giòn.”*

Điều đặc biệt ở đây là cái “*ấy*” luôn được tôn vinh như một phẩm chất cao quý: xinh, giòn. Trái ngược hoàn toàn với nghĩa đen của sự vật khi người ta dùng nó để chửi nhau, để vắng tục hoặc để miệt thị. Rõ ràng, quá trình biểu tượng hóa một từ ngữ bình dân như cái “*ấy*” để biến thành một từ ngữ có phẩm chất cao quý thể hiện trình độ sử dụng ngôn từ vô cùng điêu luyện của các tác giả khuyết danh, những người đã góp phần giúp cho tiếng Việt ngày càng trở nên thâm thúy, sâu sắc và văn chương hơn. Họ thực sự là những nghệ sĩ của ngôn từ.

Bảng 1. Tập hợp các lớp nghĩa của cái *ấy*, cái *đó* và cái *lờ*

	Lớp nghĩa thứ nhất: từ nguyên học	Lớp nghĩa thứ hai: văn hóa dân gian	Lớp nghĩa thứ ba: văn học
Ấy	Đối tượng ở ngôi thứ ba, số ít	Bộ phận nhạy cảm của phụ nữ	Ẩn dụ cho một vật thể hay một đối tượng có yếu tố cấm kỵ
Đó (1)	Dụng cụ bắt cá	Không có	Không có
Đó (2)	Đối tượng ở ngôi thứ ba, số ít	Bộ phận nhạy cảm của phụ nữ	Ẩn dụ cho một vật thể hay một đối tượng có yếu tố cấm kỵ
Lờ (1)	Dụng cụ bắt cá	Không có	Không có
Lờ (2)	Chữ L	Viết tắt của một từ nhạy cảm	Không có

Như vậy, từ thao tác “*chụp cắt lớp*” cái “*ấy*” qua cách tiếp cận ký hiệu học chúng ta có thể luận giải được các cấp độ ý nghĩa mà người dùng (thông qua mục đích sử dụng) đã gán cho đối tượng. Từ góc nhìn văn hóa, chúng ta cũng có thể nhận ra cách thức sử dụng vô cùng linh

hoạt của các “nghệ sĩ ngôn từ” khi biến một từ ngữ thông thường thành một ẩn dụ, thành những từ dùng bóng bẩy và lịch sự thay cho những từ dùng bằng nghĩa đen mang tính “thô thiển”, tầm thường. Đôi khi những ngôn từ đó cũng có thể trở thành một loại “vũ khí” (đơn giản như để chửi nhau) nhưng khi được sử dụng bởi những bậc thầy ngôn từ như Hồ Xuân Hương thì chúng sẽ là một thứ vũ khí phản kháng khiến cho vua, quan, sư, sãi đều tái mặt.

Hồ Xuân Hương đã phá bung cái khung đó để những người phụ nữ khác (và cả nam giới) hiểu rằng, họ (nam giới), không có quyền ban phát tình yêu hay lòng thương hại. Họ càng không có quyền chà đạp lên thân thể và nhân phẩm của người phụ nữ và cái “ấy” là của phụ nữ chứ không thuộc quyền sở hữu của họ (...). Dùng cái “ấy” để làm vũ khí phản kháng, Hồ Xuân Hương đã khiến cho vô số kẻ có quyền lực (dù đó là những kẻ nắm trong tay vương quyền hay thần quyền) bất ngờ. Bởi trước bà chưa một ai dám đưa cái “ấy” trần trang văn để “nện” vào mặt những kẻ cường quyền mà hầu hết là đàn ông! (...). Rõ ràng, chất liệu thô mà Hồ Xuân Hương đã dùng chính là những thứ mà người phụ nữ Việt Nam nào cũng có. Nhưng cái cách mà nhà thơ biến những chất liệu đó thành kiệt tác văn chương để bảo vệ những người phụ nữ, tầng lớp “thấp cổ bé họng” trong xã hội, đã khiến cho bà trở thành một “hiệp sĩ” thực sự trong trái tim của mọi người” [2 tr. 828].

THAY LỜI KẾT

Trở lại câu chuyện *Nhà hát Đố* ở Nha Trang với kỷ lục cái “đó” “lớn nhất Việt Nam”. Mặc dù nhà tổ chức xác lập kỷ lục đã cố gắng diễn giải “Nhà hát có kiến trúc bản địa độc đáo với cảm hứng từ chiếc đó lớn nhất Việt Nam” và tránh không dịch sang tiếng Anh. Nhưng có vẻ như người dân thì vẫn cứ gọi cái Kỷ lục này là cái “đó” lớn nhất Việt Nam hay Nha Trang là nơi có cái “đó” lớn nhất Việt Nam. Không biết nhà tổ chức có ẩn ý gì khi trao tặng kỷ lục này đúng vào ngày “Cá tháng 4” (!).

Như vậy, từ *Bảng 1*, cái “ấy” so với cái “lờ” và cái “đó” đã tạo được một lớp nghĩa thứ hai (bên cạnh lớp nghĩa thứ nhất trong từ nguyên học). Đi xa hơn, cái “ấy” đã được nâng tầm nhờ văn chương và tính ẩn dụ trong văn học dân gian cũng như văn học chính thống của người Việt bằng lớp nghĩa thứ ba. Chính vì lý do đó mà dù có diễn giải như thế nào thì cái “lờ” (L), cái “đó” hay “Đó” trong văn hóa Việt Nam vẫn bị quy gán cho cái “ấy” trong văn học.

Có lẽ, cái “ấy” đã, đang và sẽ luôn là một đối tượng, một chủ đề hấp dẫn của văn chương không chỉ trong văn học dân gian mà còn là đối tượng mang đến nhiều cảm hứng cho văn học hiện đại. Dù là lớp **ẩn ức, ẩn ý, hay phản**

kháng của Hồ Xuân Hương hay lớp **ẩn dụ** trong văn học đương đại, cái “ấy” vẫn luôn được những người yêu văn chương đón nhận. Dù là để trào lộng tạo nên tiếng cười trong văn hóa dân gian hay để làm vũ khí bảo vệ quyền con người và nhân phẩm của phụ nữ như nữ sĩ Hồ Xuân Hương đã làm từ 200 năm trước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đinh Hồng Hải, “Semiotics and the anthropology of art: Alfred Gell’s theoretical framework,” in Amir Biglari (Ed.), *Open Semiotics*, 3, 251-264. Paris: L’Harmattan, 2023.
- [2]. Đinh Hồng Hải, “Biểu tượng nữ và nữ quyền trong thơ Hồ Xuân Hương từ góc nhìn ký hiệu học”, trong *Hồ Xuân Hương (1772-1822): Danh nhân văn hóa và giá trị di sản*, 815-829. NXB Nghệ An, 2022
- [3]. Đinh Hồng Hải, *Nghiên cứu biểu tượng: Một số hướng tiếp cận lý thuyết*. NXB Thế giới, Hà Nội, 2014.
- [4]. Hoàng Phê. *Từ điển tiếng Việt*. Nxb. Đà Nẵng và Trung tâm từ điển học xuất bản, Hà Nội-Đà Nẵng, 1998.
- [5]. Thụy Khuê, *Phê bình văn học thế kỷ XX*, Chương 6. Trường phái hình thức Nga, 2012. <http://thuykhue.free.fr/stt/p/PBVH-Ch06.html>.

AUTHOR INFORMATION

Đinh Hồng Hải

University of Social Sciences and Humanities, VNU, Hanoi, Vietnam